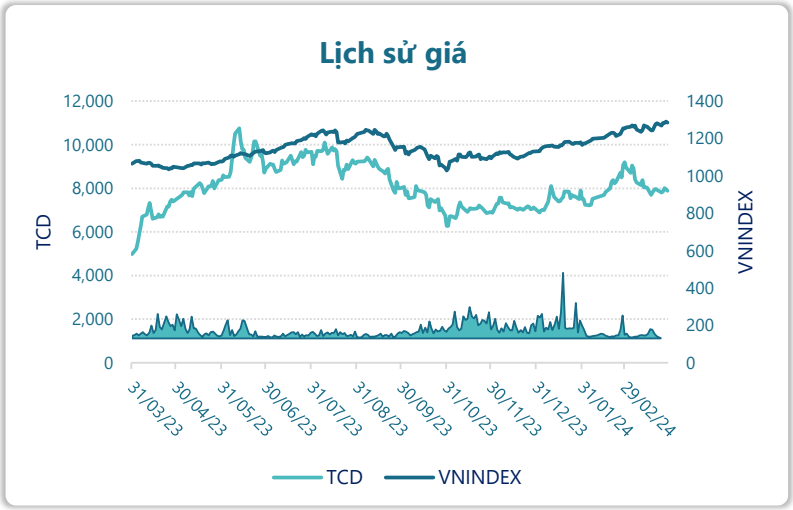
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (HSX: TCD)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,890**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,983
SL cổ phiếu LH	282,680,804
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,177,465
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,230
P/E	34.4
EPS	230

DT thuần

Q1/24

241

tỷ VNĐ

QoQ: ▼385| -61.6%

YoY: ▼73.0| -23.4%

LN sau thuế

Q1/24

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.3| 78.4%

YoY: ▼38.7| -56.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

27.6%

+/- YoY: ▲ 7.7%

DT thuần

2023

1,784

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,161| -39.4%

LN sau thuế

2023

175

tỷ VNĐ

YoY: ▼159| -47.5%

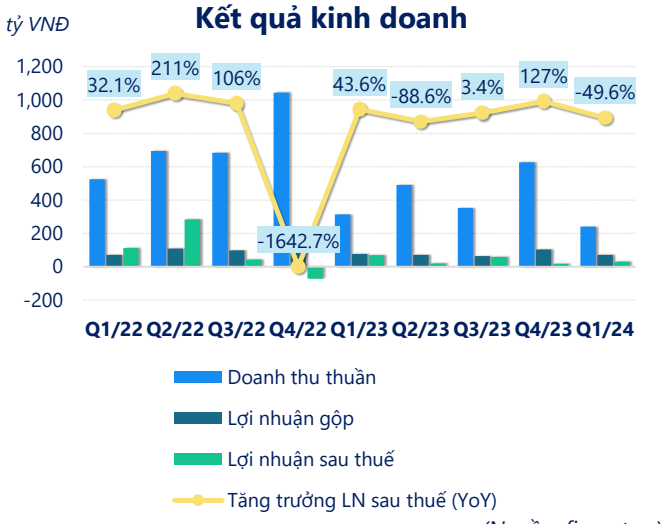
ROE

2023

3.3%

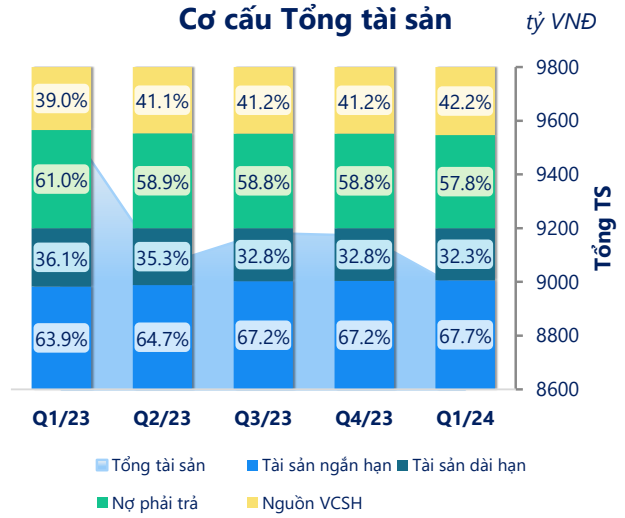
+/- YoY: ▼ 9.0%

Kết quả kinh doanh



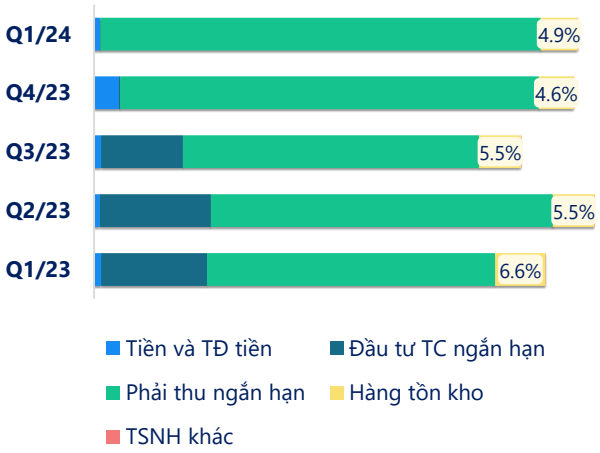
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



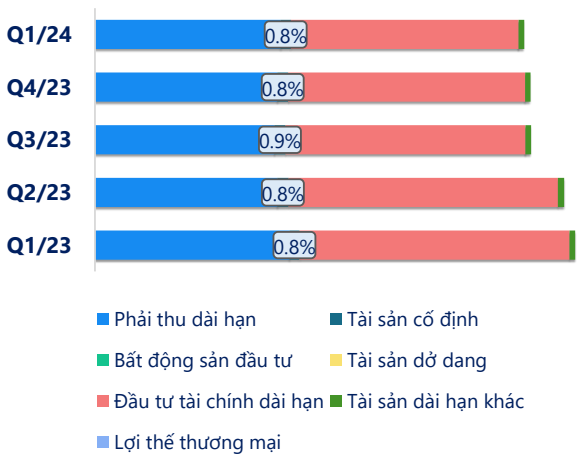
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



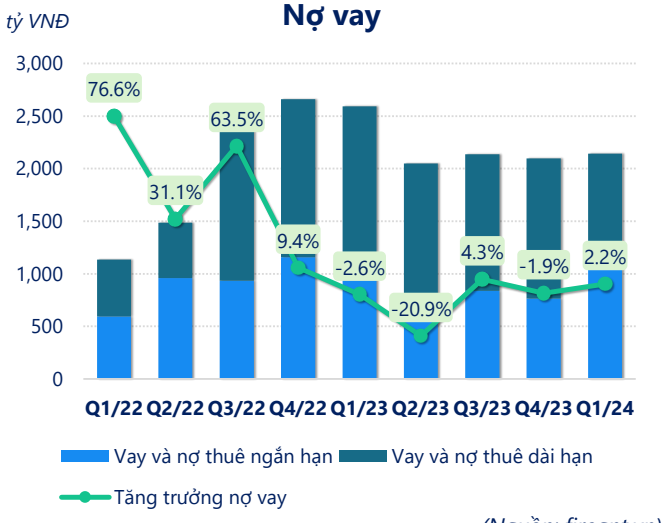
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



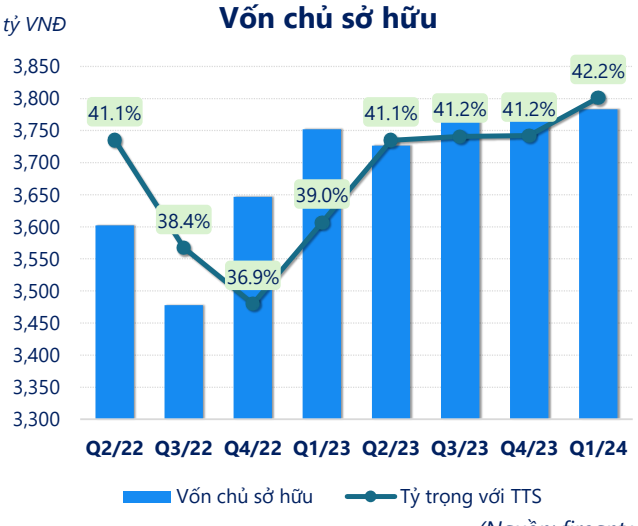
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



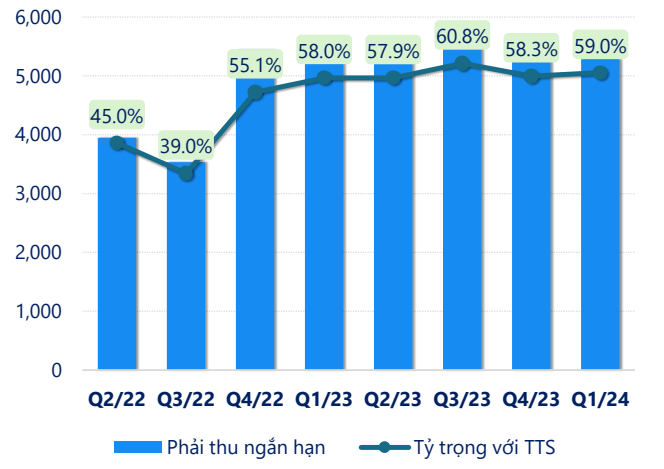
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



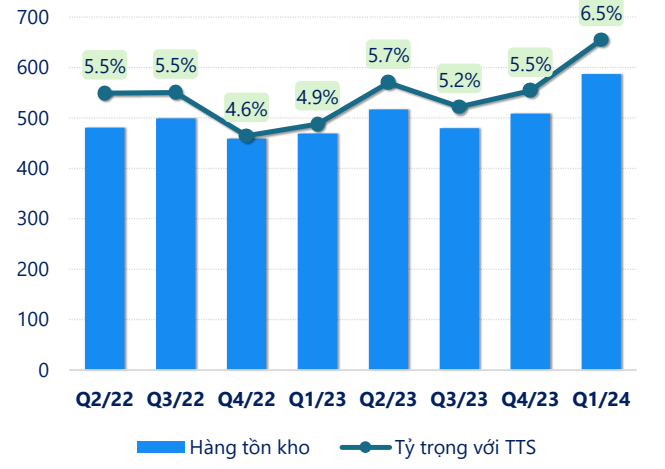
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



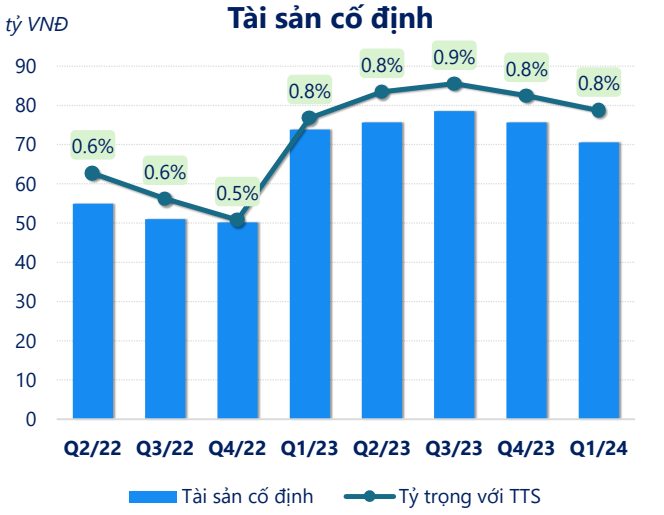
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



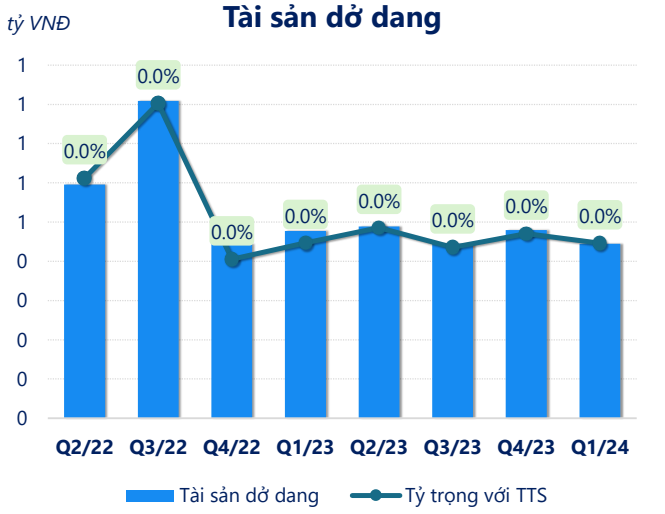
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



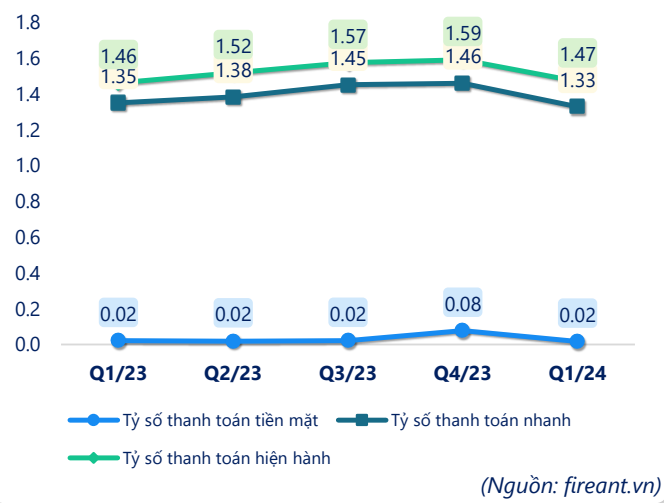
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



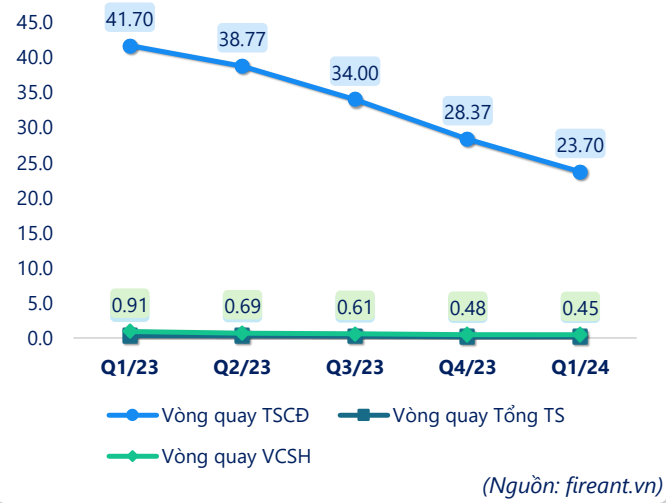
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**9,615**	**9,063**	**9,183**	**9,172**	**8,965**
Tài sản ngắn hạn	**6,143**	**5,864**	**6,169**	**6,167**	**6,069**
Tiền và tương đương tiền	87.3	70.7	83.6	300	69.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.65	6.23	6.23	5.78	103
Phải thu ngắn hạn	5,572	5,251	5,585	5,346	5,286
Hàng tồn kho	469	517	479	508	587
Tài sản ngắn hạn khác	6.57	19.6	15.1	6.39	25.0
Tài sản dài hạn	**3,472**	**3,199**	**3,013**	**3,006**	**2,895**
Phải thu dài hạn	1,406	1,243	1,238	1,258	1,251
Tài sản cố định	73.9	75.7	78.6	75.7	70.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.48	0.49	0.44	0.48	0.44
Đầu tư tài chính dài hạn	1,951	1,835	1,656	1,634	1,534
Tài sản dài hạn khác	40.6	44.1	40.0	38.1	39.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,863**	**5,337**	**5,398**	**5,390**	**5,182**
Nợ ngắn hạn	**4,201**	**3,863**	**3,917**	**3,876**	**4,126**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,206	757	838	764	1,090
Phải trả người bán ngắn hạn	618	687	697	773	689
Nợ dài hạn	1,662	1,474	1,481	1,514	1,056
Vay và nợ thuê dài hạn	1,385	1,293	1,299	1,332	1,051
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,752**	**3,726**	**3,785**	**3,783**	**3,783**
Vốn chủ sở hữu	**3,752**	**3,726**	**3,785**	**3,783**	**3,783**
Vốn điều lệ	2,444	2,827	2,827	2,827	2,827
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)